

Số: *1211*/BKHCN-TCCB

V/v lấy ý kiến đối với dự thảo Thông tư.

Hà Nội, ngày *27* tháng *5* năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (tại công văn số 3845/VPCP-TCCV ngày 10/6/2021 của Văn phòng Chính phủ) về việc rà soát, cắt giảm chứng chỉ bồi dưỡng không phù hợp đối với công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại công văn số 5355/BNV-CCVC ngày 25/10/2021, công văn số 1853/BNV-CCVC ngày 07/5/2022, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV¹ và Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN².

Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến đối với nội dung của dự thảo Thông tư.

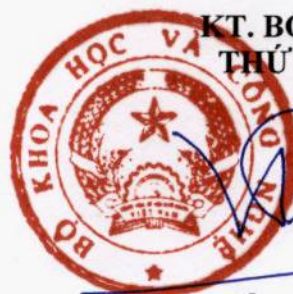
Văn bản góp ý của Quý Cơ quan xin gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội **trước ngày 05 tháng 6 năm 2022**.

Dự thảo Thông tư được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (www.most.gov.vn).

Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nội vụ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Trần Văn Tùng;
- Lưu: VT, TCCB.



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tùng

¹ Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.

² Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV.

Số: /2022/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dư thảo

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ tại công văn số...

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ tiến sỹ phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (dùng cho chức danh nghiên cứu khoa học).”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm e và bổ sung điểm g khoản 3 Điều 4 như sau:

“e) Viên chức thăng hạng từ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) lên chức danh nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu đủ 06 năm, trong đó phải có ít nhất 01 năm (12 tháng) giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

g) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (dùng cho chức danh nghiên cứu khoa học).”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm e và bổ sung điểm g khoản 3 Điều 5 như sau:

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

g) Viên chức thăng hạng từ chức danh nghiên cứu viên lên chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 năm, trong đó phải có ít nhất 01 năm (12 tháng) giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“a) Có trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (dùng cho chức danh nghiên cứu khoa học).”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm đ và bổ sung điểm e khoản 3 Điều 6 như sau:

“đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

e) Viên chức thăng hạng từ chức danh trợ lý nghiên cứu lên chức danh nghiên cứu viên (hạng III) phải có thời gian giữ chức danh trợ lý nghiên cứu (hạng IV) hoặc tương đương tối thiểu đủ 03 (ba) năm, trong đó phải có ít nhất 01 năm (12 tháng) giữ chức danh trợ lý nghiên cứu (hạng IV) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Có trình độ trung cấp trở lên phù hợp chuyên ngành nghiên cứu.”

8. Bổ sung điểm d khoản 3 Điều 7 như sau:

“d) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ thạc sĩ trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, công nghệ;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (dùng cho chức danh công nghệ).”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm e và bổ sung điểm g khoản 3 Điều 8 như sau:

“đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

e) Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ sư chính (hạng II) lên chức danh kỹ sư cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu đủ 06 năm, trong đó phải có ít nhất 01 năm (12 tháng) giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, công nghệ;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (dùng cho chức danh công nghệ).”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm e và bổ sung điểm g khoản 3 Điều 9 như sau:

“e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

g) Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ sư (hạng III) lên chức danh kỹ sư chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh kỹ sư (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm, trong đó phải có ít nhất 01 năm (12 tháng) giữ chức danh kỹ sư (hạng III) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, công nghệ;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (dùng cho chức danh công nghệ).”

14. Sửa đổi, bổ sung điểm đ và bổ sung điểm e khoản 3 Điều 10 như sau:

“đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

e) Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên lên chức danh kỹ sư (hạng III) phải có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) hoặc tương đương tối thiểu đủ 03 (ba) năm, trong đó phải có ít nhất 01 năm (12 tháng) giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật.”

16. Bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 11 như sau:

“d. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.”

17. Sửa đổi tên của mục III Phụ lục Cách tính điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn như sau:

“Bài báo khoa học”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Viên chức đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được xác định là đáp ứng quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành

khoa học và công nghệ quy định tại Thông tư này tương ứng với chức danh nghề nghiệp đã được bổ nhiệm;

b) Viên chức đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật trước ngày 30 tháng 6 năm 2022 được xác định là đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; đồng thời được sử dụng khi tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và không phải học chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ quy định tại Thông tư này.

c) Cơ quan, tổ chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án, kế hoạch tuyển dụng viên chức (thi tuyển, xét tuyển, tiếp nhận vào viên chức), thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV, Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN và các quy định pháp lý khác trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tùng